

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-3-2023

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Sơn

2. Ông Nguyễn Văn Đạt

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp tham gia.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc: “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thị U, sinh năm 2001. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp L, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Danh T, sinh năm 1995. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp L, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Thị U trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Danh T quen biết nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, cưới nhau năm 2016 đến năm 2019 đăng ký kết hôn tại UBND xã Kiên Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Lúc đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc đến tháng 7/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, khi vợ chồng cãi nhau anh T dùng cái ly uống cà phê ném chị 02 lần, lần đầu không trúng anh T tiếp tục dùng ly thứ hai ném trúng vào tai phải của chị bị thương

phải đi khâu 3 mũi, sau khi tai lành vết thương thì chị bỏ về nhà mẹ ruột sống cho đến nay, ngoài ra trước đó nhiều lần anh T nhậu say về cầm cây dâm họa chị. Nay chị yêu cầu ly hôn anh Danh T.

Về con chung: Có 02 người con chung là Danh Hoàng Anh Đ, sinh ngày 14/7/2017 và Danh Thị Huỳnh Anh, sinh ngày 18/01/2021. Hiện 02 con đang sống với anh T, chị đồng ý giao 02 con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Danh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Thị U sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2019 và được cấp giấy kết hôn. Trong quá trình sống chung vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ cãi nhau những chuyện nhỏ. Chị U trình bày anh đi nhậu về hăm dọa chị là không có, còn việc anh ném ly làm tai chị U bị thương thì anh thừa nhận, lý do anh ném ly là do chị U cứ chửi anh hoài nên anh nóng giận. Ngày 09/7/2022 chị U bỏ nhà đi cho đến nay, nay con đi học không ai đưa đón, anh phải đi làm nên yêu cầu chị U về sống chung để chăm sóc con và đưa đón con đi học, anh không đồng ý ly hôn.

Về con: Có 02 người con chung là Danh Hoàng Anh Đ, sinh ngày 14/7/2017 và Danh Thị Huỳnh A, sinh ngày 18/01/2021. Hiện 02 con đang sống với anh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ tranh chấp xin ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về hôn nhân: Chị Thị U và anh Danh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã Kiên Bình. Quá trình chung sống có

phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T dùng ly ném chị U bị thương tai, trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên cho các bên đoàn tụ nhưng không thành, phía chị U vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy chị U đã bỏ nhà đi từ tháng 7/2022 cho đến nay anh T không thuyết phục được chị U về sống chung, anh T có hành vi bạo lực gia đình cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình giải quyết cho chị U ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Có 02 người con chung là Danh Hoàng Anh Đ, sinh ngày 14/7/2017 và Danh Thị Huỳnh A, sinh ngày 18/01/2021. Anh T yêu cầu nuôi 02 con và chị U cũng đồng ý giao 02 cháu cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao cháu Anh Đ và cháu Huỳnh Anh cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh T không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về T sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị U yêu cầu ly hôn nên phải chịu số tiền này, được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009229 ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Đã thực hiện xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị U ly hôn anh Danh T.

+ Về con chung: Có 02 người con chung là Danh Hoàng Anh Đ, sinh ngày 14/7/2017 và Danh Thị Huỳnh A, sinh ngày 18/01/2021. Giao cháu Anh Đ và cháu Huỳnh A cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh T không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Chị U có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

+ Về T sản chung: Không yêu cầu giải quyết

+ Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị U yêu cầu ly hôn nên phải chịu số tiền này, được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009229 ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Đã thực hiện xong.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/3/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Diễm